SỞ Y TẾ TỈNH QUẢNG NINH **TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1050/TB-TTKSBT	*Quảng Ninh, ngày 20 tháng 5 năm 2022*

THÔNG BÁO

Nhu cầu mua sắm thuốc phục vụ công tác chuyên môn năm 2022 của Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật tỉnh Quảng Ninh

Kính gửi: Quý công ty

Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật tỉnh Quảng Ninh xin trân trọng gửi tới Quý công ty danh mục hàng hóa Trung tâm có nhu cầu mua sắm cụ thể như sau:

(Chi tiết danh mục và số lượng theo phụ lục I đính kèm);

Kính mời Quý công ty quan tâm, có khả năng cung ứng các mặt hàng nêu trên cung cấp thông tin và báo giá (*Giá báo giá là giá trúng thầu trong vòng 12 tháng được đăng tải trên website của Cục Quản lý dược và Cục Y dược cổ truyền)* về hàng hóa do đơn vị mình phân phối hoặc chào bán, bao gồm các tài liệu sau:

- Thông tin báo giá hàng hóa: *(Theo mẫu tại phụ lục II);*

(Các thông tin điền tại phụ lục 2 là ví dụ để các Quý công ty tham khảo)

Thời hạn tiếp nhận báo giá: trước **09 giờ 00 phút ngày 30/5/2022**.

Địa chỉ tiếp nhận: Báo giá gửi bản scan *(theo mẫu và nội dung theo phụ lục II)* về địa chỉ email: dauthau.quangninhcdc@gmail.com , đồng thời văn bản giấy được ký, đóng dấu hợp pháp gửi qua đường công văn về địa chỉ tiếp nhận: Khoa Dược, Vacxin và VTYT – Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh.

Địa chỉ: Số 651 Lê Thánh Tông, Phường Bạch Đằng, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

Lưu ý: Đề nghị các đơn vị báo giá cho toàn bộ mặt hàng thuộc phần báo giá và có thể báo giá cho một hoặc nhiều phần khác nhau.

Mọi chi tiết xin liên hệ: Ds Nguyễn Thị Thu Hằng – Khoa Dược, Vacxin và VTYT – Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật tỉnh Quảng Ninh.

Số điện thoại: 097.9798776

Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật tỉnh Quảng Ninh rất mong nhận được phản hồi thông tin từ quý công ty.

Trân trọng cảm ơn./.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, KD.

Ninh Văn Chủ

PHỤ LỤC 1

(Kèm theo thông báo số 1050/TB-TTKSBT ngày 20/5/2022 của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Quảng Ninh)

STT	Mã hàng	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ - Hàm lượng	Đường dùng, Dạng bào chế	Đơn vị tính
1	GE001	Glucosamin sulfat	2	500mg	Uống, Viên	Viên
2	GE002	Chlorpheniramin maleat	4	4mg	Uống, Viên	Viên
3	GE003	Desloratadin	1	5mg	Uống, Viên	viên
4	GE004	Desloratadin	4	2,5mg/5ml, 5ml	Uống, Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Ống
5	GE005	Ebastine	1	10mg	Uống, Viên	Viên
6	GE006	Amoxicilin + acid clavulanic	1	500mg + 125mg	Uống, Viên	Viên
7	GE007	Amoxicilin + acid clavulanic	2	500mg + 62,5mg	Uống, Viên	Viên
8	GE008	Cefaclor	1	125mg/5ml, 60ml	Uống, Bột/cốm/hạt pha uống	Chai/Lọ
9	GE009	Cefalexin	1	500mg	Uống, Viên nang	Viên
10	GE010	Cefalexin	3	500mg	Uống, Viên nang	Viên
11	GE011	Azithromycin	2	250mg	Uống, Viên nang	Viên
12	GE012	Ciprofloxacin	2	500mg	Uống, Viên	Viên
13	GE013	Metronidazole	4	400mg	Uống, Viên	Viên
14	GE014	Metronidazole + Neomycine sulfate + Nystatine	1	500mg +65000 IU + 100000 IU	Đặt, Viên nén đặt âm đạo	Viên
15	GE015	Itraconazol	1	100mg	Uống, Viên nang	Viên
16	GE016	Itraconazol	2	100mg	Uống, Viên	Viên
17	GE017	Amlodipin	2	5mg	Uống, Viên	Viên
18	GE018	Amlodipin + Indapamid + Perindopril Arginin	1	5mg + 1,25mg + 5mg	Uống, Viên	Viên
19	GE019	Perindopril Arginine	1	5mg	Uống, Viên	Viên
20	GE020	Perindopril Arginine	2	5mg	Uống, Viên	Viên
21	GE021	Telmisartan + Hydroclorothiazid	3	40mg + 12,5mg	Uống, Viên	Viên

22	GE022	Telmisartan	1	40mg	Uống, Viên	Viên
23	GE023	Telmisartan	2	80mg	Uống, Viên	Viên
24	GE024	Perindopril arginine + Amlodipine	1	5mg + 5mg	Uống, Viên	Viên
25	GE025	Perindopril arginine + Amlodipine	2	5mg + 5mg	Uống, Viên	Viên
26	GE026	Lisinopril	2	10mg	Uống, Viên	Viên
27	GE027	Ramipril	1	5mg	Uống, Viên	Viên
28	GE028	Ramipril	2	10mg	Uống, Viên	Viên
29	GE029	Indapamid	1	1,5mg	Uống, Viên	Viên
30	GE030	Gliclazid	1	60mg	Uống, Viên giải phóng có kiểm soát	Viên
31	GE031	Gliclazid	2	60mg	Uống, Viên giải phóng có kiểm soát	Viên
32	GE032	Insulin người 30/70	5	1000IU/10ml, 10ml	Tiêm, Thuốc tiêm	Lọ/ống
33	GE033	Insulin người 30/70	5	100IU/ml, 3ml	Tiêm, Thuốc tiêm	Bút tiêm
34	GE034	Insulin người 30/70	2	100IU/ml, 3ml	Tiêm, Thuốc tiêm	Lọ/ống
35	GE035	Metformin hydrochlorid	3	500mg	Uống, Viên giải phóng có kiểm soát	Viên
36	GE036	Metformin hydrochlorid	3	750mg	Uống, Viên giải phóng có kiểm soát	Viên
37	GE037	Metformin hydrochlorid	4	1000mg	Uống, Viên giải phóng có kiểm soát	Viên
38	GE038	Bisoprolol fumarat	1	2,5mg	Uống, Viên	Viên
39	GE039	Bisoprolol fumarat	2	2,5mg	Uống, Viên	Viên
40	GE040	Trimetazidin	1	35mg	Uống, viên nén giải phóng chậm	Viên
41	GE041	Atorvastatin	3	10mg	Uống, Viên	Viên
42	GE042	Atorvastatin	4	10mg	Uống, Viên nang	Viên
43	GE043	Rosuvastatin	1	10mg	Uống, Viên	Viên
44	GE044	Fenofibrat	1	200mg	Uống, Viên nang	Viên
45	GE045	Fenofibrat	4	200mg	Uống, Viên nang	Viên
46	GE046	Fusidic Acid + Betamethason	4	2% + 0,1%, 15g	Dùng ngoài, Thuốc dùng ngoài	Tuýp/hộp
47	GE047	Fusidic Acid + Betamethason	1	20mg+1mg, 15g	Dùng ngoài, Thuốc dùng ngoài	Tuýp/hộp

48	GE048	Mupirocin	2	20mg/g, 5g	Dùng ngoài, Thuốc dùng ngoài	Tuýp/hộp
49	GE049	Fusidic Acid	1	20mg/g, 15g	Dùng ngoài, Thuốc dùng ngoài	Tuýp/hộp
50	GE050	Salicylic acid + betamethason dipropionat	2	30mg/g + 0,5mg/g, 30g	Dùng ngoài, Thuốc dùng ngoài	Tuýp/hộp
51	GE051	Salicylic acid + betamethason dipropionat	4	3% + 0,064%, 15g	Dùng ngoài, Thuốc dùng ngoài	Tuýp/hộp
52	GE052	Betamethason (dưới dạng Betamethason dipropionat)	2	0.5 mg/g; 30g	Dùng ngoài, Thuốc dùng ngoài	Tuýp/hộp
53	GE053	Natri clorid	4	0,9%, 10ml	Nhỏ mắt, thuốc nhỏ mắt	Chai/Lọ
54	GE054	Glucose	4	10%, 500ml	Tiêm truyền, Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/Túi
55	GE055	Natri clorid	4	0,9%, 500ml	Tiêm truyền, Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/Túi
56	GE056	Vitamin B1 + Vitamin B6 + Vitamin B12	2	100mg + 100mg + 150mcg	Uống, Viên	Viên
57	GE057	Vitamin B1 + Vitamin B6 + Vitamin B12	4	100mg + 200mg + 200mcg	Uống, Viên	Viên
58	GE058	Cefprozil	4	250 mg	Uống, Viên	Viên
59	GE059	Fexofenadin	2	180 mg	Uống, Viên	Viên
60	GE060	Betamethason dipropionat	2	0.5 mg/g; 30g	Dùng ngoài, Thuốc dùng ngoài	Tuýp/hộp
61	GE061	Erythromycin + Tretinoin	1	4% + 0,025%, 30g	Dùng ngoài, Thuốc dùng ngoài	Tuýp/hộp
62	GE062	Tacrolimus	1	0,03%, 10g	Dùng ngoài, Thuốc dùng ngoài	Tuýp/hộp
63	GE063	Tacrolimus	1	0,1%, 10g	Dùng ngoài, Thuốc dùng ngoài	Tuýp/hộp
64	GE064	Moxifloxacin HCl	1	5mg/ml; 5ml	Nhỏ mắt, Thuốc nhỏ mắt	Chai/Lọ
65	GE065	Betamethason dipropionate+clotrimazol+Gentamycin	4	6.4mg+100 mg+10mg, 10g	Dùng ngoài, Thuốc dùng ngoài	Tuýp/hộp
66	GE066	Fucidic acid	1	20 mg/g, 15g	Dùng ngoài, Thuốc dùng ngoài	Tuýp/hộp
67	GE067	Fexofenadin Hydrochlorid	4	30mg/5ml, 30ml	Uống, Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Chai/Lọ
68	GE068	Clotrimazol + Selen sulfist	4	0.6g + 1.5g, 60ml	Dùng ngoài, Thuốc dùng ngoài	Chai/Lọ
69	GE069	Thymomodulin	2	80 mg	Uống, Viên	Viên
70	GE070	Fluorometholon	1	0.1%, 5ml	Nhỏ mắt, thuốc nhỏ mắt	Chai/lọ
71	GE071	Cyaconobalamin	1	0.02%, 5ml	Nhỏ mắt, thuốc nhỏ mắt	Chai/lọ
72	GE072	Isotretinoin	1	10 mg	Uống, Viên	Viên
73	GE073	Adapalen + Clindamycin	3	0.1% + 1%, 15g	Dùng ngoài, Thuốc dùng ngoài	Tuýp/hộp

74	GE074	Betamethason + Dexclorpheniramin maleat	4	3 mg +24 mg, 60ml	Uống, Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Chai/lọ
75	GE075	Cefuroxim axetil	1	500 mg	Uống, Viên	Viên
76	GE076	Natri hyaluronat	1	0.1%, 5ml	Nhỏ mắt, thuốc nhỏ mắt	Chai/lọ
77	GE077	Natri hyaluronat	1	0.3%, 5ml	Nhỏ mắt, thuốc nhỏ mắt	Chai/lọ
78	GE078	Calcipotriol+ Betamethasone	1	50mcg/g + 0.5mg/g, 15g	Dùng ngoài, Thuốc dùng ngoài	Tuýp/hộp
79	GE079	Calcipotriol	1	50mcg/g, 30g	Dùng ngoài, Thuốc dùng ngoài	Tuýp/hộp
80	GE080	Clindamycin	4	1%, 15g	Dùng ngoài, Thuốc dùng ngoài	Tuýp/hộp
81	GE081	Terbinafine hydrochloride	5	1%, 10g	Dùng ngoài, Thuốc dùng ngoài	Tuýp/hộp
82	GE082	Vitamin B5	3	100 mg	Uống, Viên	Viên
83	GE083	Minoxidil	1	2%, 60ml	Dùng ngoài, Thuốc dùng ngoài	Chai/lọ
84	GE084	Vitamin H	3	5 mg	Uống, Viên	Viên
85	GE085	Vitamin H (B8)	4	10mg	Uống, Viên	Viên
86	GE086	Fucidic Acid + Hydrocortison Acetat	1	20 mg/g+10 mg/g, 15g	Dùng ngoài, Thuốc dùng ngoài	Tuýp/hộp
87	GE087	Bilastine	1	20 mg	Uống, Viên	Viên
88	GE088	Alphachymotripsin	3	4.2 mg	Uống, Viên	Viên
89	GE089	Pantoprazol	3	40mg	Uống, Viên bao tan ở ruột	Viên
90	GE090	Pantoprazol	4	20mg	Uống, Viên nang	Viên
91	GE091	Lidocain + Adrenalin	1	36mg + 18,13µg, 1,8ml	Tiêm, thuốc tiêm	Ống
92	GE092	Diazepam	1	10mg/2ml, 2ml	Tiêm, thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống
93	GE093	Salbutamol	1	100mcg/liều	Đường hô hấp, Khí dung đã chia liều	Chai/Lọ/Bình
94	GE094	Vitamin A + D3	4	4000UI + 400UI	Uống, Viên	Viên
95	GE095	Calcium carbonate+ Vitamin D3	5	1250mg+ 125UI	Uống, Viên	Viên
96	GE096	Medium-chain Triglycerides + Soya-bean oil, refined + Omega-3-acid triglycerides	1	10,0g + 8,0g + 2,0g, 100ml	Tiêm truyền, Nhũ tương tiêm truyền	Chai

97	ĐY097	Cao khô Actiso EP + Cao khô Rau đắng đất 8:1 + Cao khô Bìm bìm (Hàm lượng acid Chlorogenic ≥ 0,8%)	1	170mg+128mg+13.6mg	Uống, Viên nang mềm	Viên
98	ĐY098	Cao khô Actiso EP + Cao khô Rau đắng đất 8:1 + Cao khô Bìm bìm (Hàm lượng acid Chlorogenic ≥ 0,8%)	1	85mg+64mg+6.4mg	Uống, Viên bao phim	Viên
99	ĐY099	Cao đặc rễ đinh lăng + cao khô lá bạch quả	2	Cao đặc rễ đinh lăng ≥105mg;cao khô lá bạch quả ≥ 10mg	Uống, Viên	Viên
100	ĐY100	Diệp hạ châu	2		Uống, Viên	Viên

PHỤ LỤC II

Báo giá hàng hóa (Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật tỉnh Quảng Ninh)

(Kèm theo thông báo số 1050/TB-TTKSBT ngày 20/5/2022 của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Quảng Ninh)

Tên nhà thầu: Công ty ….....
Địa chỉ liên hệ:….....
Điện thoại: ….....
Email: ….....
Ngày báo giá: …….
Hiệu lực của báo giá: …….

BÁO GIÁ HÀNG HÓA

Công ty xin gửi tới quý đơn vị thông tin của các mặt hàng công ty có thể cung cấp như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

Stt	Mã hàng	Tên hoạt chất	Tên Thương mại của hàng hóa	Số đăng ký lưu hành hoặc số giấy phép nhập khẩu.	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng Dạng bào chế,	Quy cách đóng gói	ĐVT	Đơn giá có VAT	Hãng sản xuất/ Nước sản xuất	Giá trúng thầu 12 tháng gần nhất					Ghi chú
												Giá trúng thầu	Số QĐ phê duyệt trúng thầu	Ngày QĐ phê duyệt trúng thầu	Đơn vị ra Quyết định	Website tra giá	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
1																	
…																	

Ghi chú:

(11) là giá trọn gói bao gồm các loại thuê, phí, bảo hiểm, vận chuyển, giao hàng tại kho Trung tâm. Gía trúng thầu ưu tiên tham khảo giá đã được công khai trên cổng thông tin của BYT.

Đại diện hợp pháp của đơn vị báo giá
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]